TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng;

2. Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Từ Thanh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn anh Từ Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T sống chung năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T theo đúng quy định pháp luật, hiện vợ chồng đã ly thân nhau. Anh cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 người con chung Từ G, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2022 hiện đang sống cùng với anh, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Thị T đúng theo quy định pháp luật nhưng chị T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Từ Thanh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị T có nơi cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2015 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung Từ G, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2022 hiện đang sống cùng với anh N. Xét thấy, việc giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của các bên và cần duy trì sự ổn định trong cuộc sống vốn có của cháu. Hiện cháu P đang sống cùng với anh N nên cần duy trì sự ổn định cuộc sống vốn có đối với cháu là cần thiết. Chị T không tham dự các phiên giải quyết cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện cụ thể các bên, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân.

[5] Về cấp dưỡng: Anh N anh yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Xét thấy, không có căn cứ xác định được mức thu nhập của chị T

nên áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng nuôi con được xác định không thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi chị T sinh sống tương đương 3.860.000 đồng/2 = 1.930.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 05 năm 2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi do không xác định được thời gian chị T không sống với con cũng như vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định giữa anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Từ Thanh N ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Từ G, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2022 cho anh Từ Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Từ Gia P hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Từ Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357,

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Từ Thanh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 0005288 ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An (số 18/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp